

Bản án số:06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-3-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI- TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Vân

- Bà Đinh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2018/TLST - HNGĐ ngày 04-12-2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2019/TB-XX ngày 13-02-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh H, sinh năm 1987- vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984- vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 44, phường NP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-12-2018, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Xuân T tại Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (Giấy đăng ký số: 25 ngày 26-02-2010). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh T hay rượu chè cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ thậm chí anh T còn đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 01-11-2011 và cháu Nguyễn Kim Thế T1, sinh ngày 12-8-2015. Ly hôn, chị

có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N và cháu T1; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cháu N và cháu T1.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 17-12-2018, bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn. Chị H xin ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng anh về đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 01-11-2011 và cháu Nguyễn Kim Thế T1, sinh ngày 12-8-2015. Ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Kim N và cháu Nguyễn Kim Thế T1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu T1.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Xuân T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Xuân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 44, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Bùi Thanh H và anh Nguyễn Xuân T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T hay cờ bạc, rượu chè, mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn nhưng anh T không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình lẩn tránh nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ yêu cầu

xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, có căn cứ cho chị H được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 01-11-2011 và cháu Nguyễn Kim Thế T1, sinh ngày 12-8-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu N có nguyện vọng ở với mẹ tuy nhiên hiện nay chị H không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu chị có đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 còn cháu N giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy cháu Nguyễn Kim Thế T1 còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy, khi ly hôn cần giao cháu Thế T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Nguyễn Kim N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, để đảm bảo quyền và lợi ích, đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu N và cháu T1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4] *Về chia tài sản*: chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Bùi Thanh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Kim Thế T1, sinh ngày 12-8-2015 cho chị Bùi Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Kim N (sinh ngày 01-11-2011) cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị H, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Bùi Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0002023 ngày 04-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTP Yên Bái;
- Chi cục THADSTP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Giang Sơn, h. Gia Bình
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Hồng Phụng